

Số: 1031/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch tái canh cà phê  
giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 49/TTr-SNN ngày 05 /4/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được phê duyệt tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 và Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh, chi tiết như Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Các nội dung khác không thay đổi; thực hiện theo Quyết số 54/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 và Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk và Chi nhánh thị xã Buôn Hồ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

*Nơi nhận*

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND: Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng TH, KT, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT(Đg-35b).

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH TẠI CANH CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN 2017-2020  
(Kèm theo Quyết định số 031/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 của UBND tỉnh)



Kế hoạch tài canh được phê duyệt  
Kế hoạch tài canh điều chỉnh, bổ sung  
giai đoạn 2017-2020

DVT: ha

TT	Đơn vị	Kế hoạch tài canh được phê duyệt					Kế hoạch tài canh điều chỉnh, bổ sung							
		Tổng số	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng số	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
I	Krông Ana													
1	TT Buôn Trấp	106	29	35	20	22	150	150	150	150	100	100	100	120
2	Xã Dray Sáp	37	8	10	10	9	95	10	15	20	50	50	50	50
3	Xã Ea Na	136	50	35	26	25	145	30	45	45	25	25	25	25
4	Xã Ea Bong	96	10	25	31	30	47	10	10	12	15	15	15	15
5	Xã Bàng Adrenh	82	16	25	21	20	62	15	15	20	12	12	12	15
6	Xã Dư Kmal	63	15	10	18	20	73	8	10	30	30	30	30	30
7	Xã Bình Hòa	22	5	1	7	9	67	7	10	20	30	30	30	30
8	Xã Quảng Điền	24	5	1	9	9	109	25	30	26	28	28	28	28
II	MĐrắk													
	Tổng cộng	344	108	126	70	40	738	310	178	125	125	125	125	125
	Nông hộ	241	89	104	36	12	338	250	78	5	5	5	5	5
	Xã Đắk Riêng	241	89	104	36	12	338	250	78	5	5	5	5	5
	Công ty, tổ chức	103	19	22	34	28	400	60	100	120	120	120	120	120
	Cty TNHH MTV cà phê 715B	103	19	22	34	28	-	0	0	0	0	0	0	0
	Cty TNHH MTV cà phê 715A	-	-	-	-	-	400	60	100	120	120	120	120	120
III	Lắk													
	Nông hộ	174	39	42	48	45	266	196	53	11	6	6	6	6
1	Xã Đắk Liêng						33	17	15	1	-	-	-	-
2	Xã Buôn Tría						46	34	6	1	5	5	5	5
3	Xã Buôn Triết						5	2	2	1	1	1	1	1
4	ĐĐak Phoi						94	76	15	3	-	-	-	-
5	Krông Nô						89	68	15	6	-	-	-	-